BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

MỤC LỤC

		Trang
1	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
4	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
5	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
6	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1 CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/08/2015 với số đăng ký kinh doanh và mã số thuế là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 403.416.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2015: 403.416.300.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên tại miền Trung - Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên - Số 11, nhà D2A, phố Vạn Phúc, P. Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội
- Chi nhánh Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên tại Hoa Kỳ - 3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ

Công ty có trụ sở chính tại: 345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) - 08 39209821

Fax: (84) - 08 392 09824

Hoạt động chính của công ty:

Quảng cáo; In ấn;

Đại lý, môi giới, đấu giá;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào;

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục nghề nghiệp;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa;

Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;

Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật));

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Đại lý vé máy bay);

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Chi tiết: Mua bán thiết bị tin học);

Sản xuất nhạc cụ;

Sửa chữa thiết bị khác;

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Bán buôn máy móc, thiết bị và đồ dùng máy khác;

Bán buôn thực phẩm;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Điều hành tour du lịch;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;

Đại lý du lịch;

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;

Bán buôn đồ uống;

Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

2 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội Đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Khế	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Công Khế	Tổng Giám Đốc	
Ông Hồ Văn Đắc	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Hoàng Đại Thanh	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Lê Ngọc Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc	(bãi nhiệm 20/08/2015)
Bà Bùi Thị Hồng Minh	Kế Toán Trưởng	

3 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2015	Năm 2014
- Doanh thu thuần	124.111.531.285	169.043.579.618
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.749.334.562	52.077.817.453

4 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính hiện hành đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

6 KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chi nhánh miền Nam - Công ty TNHH Kiểm Toán và định giá Thăng Long (T.D.K) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

7 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Hoàng Đại Thanh

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
CHI NHÁNH MIỀN NAM
THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD *(SOUTHERN BRANCH)*

Office: C14. Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3589 7462/ 63 - (84.8) 2216 4309 Fax: (84.8) 3589 7464
Email: kiemtoantdk@gmail.com Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 15515/TDK - KT

Ngày 28 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**, được lập tại ngày 28 tháng 2 năm 2016, từ trang 4 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN** cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

LÊ QUÝ HẢI
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0457-2014-045-1

NGUYỄN KHÁNH TUYỀN
Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0228-2014-045-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**108.586.700.378**	**499.847.473.615**
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	**110**		**40.961.071.976**	**330.395.448.505**
1. Tiền	111	V.01	13.261.071.976	10.075.448.505
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.700.000.000	320.320.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**46.215.630.535**	**146.976.680.784**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	34.163.589.594	54.784.175.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.517.703.660	14.240.627.132
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	9.756.849.873	78.174.390.275
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(222.512.592)	(222.512.592)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**15.677.511.449**	**17.877.392.302**
1. Hàng tồn kho	141	V.07	15.677.511.449	17.877.392.302
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.732.486.418**	**4.597.952.024**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	1.693.066.285	288.619.805
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.09	47.935.246	44.139.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3.991.484.887	4.260.057.646
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	5.135.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+260)	**200**		**471.495.638.065**	**138.336.224.470**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**51.451.500**	**1.720.658.560**
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	51.451.500	1.720.658.560
II. Tài sản cố định	**220**		**73.061.247.311**	**34.994.295.694**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	33.424.177.591	31.190.950.694
- Nguyên giá	222		70.598.147.726	62.326.348.346
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.173.970.135)	(31.135.397.652)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	39.637.069.720	3.803.345.000
- Nguyên giá	228		39.685.569.720	3.851.845.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.500.000)	(48.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**81.965.234.721**	**80.412.517.103**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	81.965.234.721	80.412.517.103
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.02**	**312.506.345.054**	**10.361.549.113**
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	8.380.207.551	6.196.983.240
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	305.000.000.000	5.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02	(873.862.497)	(835.434.127)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.911.359.479**	**10.847.204.000**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	3.911.359.479	10.847.204.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**580.082.338.443**	**638.183.698.085**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN
345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01-DN
(Theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**162.886.063.766**	**221.755.845.146**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**162.581.128.701**	**221.601.299.692**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.327.477.335	45.579.392.081
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.004.499.738	3.600.937.323
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.473.566.899	1.874.676.314
4. Phải trả người lao động	314		908.580.407	877.105.243
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	780.473.809	554.701.923
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	31.339.377.337	65.253.498.865
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	103.000.000.000	103.249.249.200
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		747.153.176	611.738.743
II. Nợ dài hạn	**330**		**304.935.065**	**154.545.454**
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	304.935.065	154.545.454
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**417.196.274.677**	**416.427.852.939**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**417.196.274.677**	**416.427.852.939**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		403.416.300.000	403.416.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*	*V.20*	*403.416.300.000*	*403.416.300.000*
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.21	(163.709.392)	(68.005.387)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	*V.20*	4.361.224.959	3.382.228.938
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	*V.20*	3.443.363.948	3.631.707.800
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	*V.20*	6.139.095.162	6.065.621.588
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.179.331.976*	*(33.787.628.008)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.959.763.186*	*39.853.249.596*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**580.082.338.443**	**638.183.698.085**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Hoàng Đại Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHO NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**124.369.573.242**	**169.043.579.618**
. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	258.041.957	-
. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp ịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**124.111.531.285**	**169.043.579.618**
. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	98.618.612.331	143.846.234.691
. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp ịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**25.492.918.954**	**25.197.344.927**
. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.381.816.785	46.848.308.810
. Chi phí tài chính	22	VI.05	808.922.351	(2.338.301.785)
Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		*53.561.436*	*269.047.048*
. Chi phí bán hàng	24	VI.06	1.757.350.644	2.412.477.462
. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	17.559.128.182	19.893.660.607
0. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh oanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		**6.749.334.562**	**52.077.817.453**
1. Thu nhập khác	31	VI.08	6.956.531.529	1.182.805.670
2. Chi phí khác	32	VI.09	6.528.776.539	175.459.636
3. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**427.754.990**	**1.007.346.034**
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 50 = 30 + 40)	**50**		**7.177.089.552**	**53.085.163.487**
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.020.870.465	8.441.719.253
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh ghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**5.156.219.087**	**44.643.444.234**
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	**VI.11**	**128**	**2.760**
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**		**-**	**-**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Hoàng Đại Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		162.374.533.730	171.922.564.615
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(139.078.656.724)	(131.089.235.132)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.929.681.978)	(11.032.178.199)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(53.561.426)	(269.047.048)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.140.785.845)	(8.577.250.074)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		367.681.832.903	56.248.520.959
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.398.707.241)	(102.927.857.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**328.454.973.419**	**(25.724.482.626)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.810.913.596)	(712.881.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	709.444.885
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(760.209.000.000)	(8.752.891.356)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		782.710.044.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(302.965.600.326)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	59.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.642.410.115	524.921.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(320.633.059.807)**	**50.768.593.064**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	300.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		419.511.666.495	33.812.437.823
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(712.376.666.495)	(42.899.476.797)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.452.012.561)	(4.385.733.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(297.317.012.561)**	**286.527.227.425**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(289.495.098.949)**	**311.571.337.863**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**330.395.448.505**	**18.821.513.931**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		60.722.420	2.596.711
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 =50+60+61)	**70**		**40.961.071.976**	**330.395.448.505**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Hoàng Đại Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Truyền thông Thanh niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/08/2015 với số đăng ký kinh doanh và mã số thuế là 0304173170. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 403.416.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2015: 403.416.300.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên tại miền Trung - Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên - Số 11, nhà D2A, phố Vạn Phúc, P. Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội
- Chi nhánh Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên tại Hoa Kỳ - 3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ

2 Ngành nghề kinh doanh

Quảng cáo; In ấn;

Đại lý, môi giới, đấu giá;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào;

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục nghề nghiệp;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa;

Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;

Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật));

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Đại lý vé máy bay);

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Chi tiết: Mua bán thiết bị tin học);

Sản xuất nhạc cụ;

Sửa chữa thiết bị khác;

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Bán buôn máy móc, thiết bị và đồ dùng máy khác;

Bán buôn thực phẩm;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Điều hành tour du lịch;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;

Đại lý du lịch;

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;

Bán buôn đồ uống;

Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

3 CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty mẹ, 02 Công ty con và 06 Công ty liên kết.

Công ty con được hợp nhất

- Công ty TNHH MTV Giải Trí Thanh Niên
  + Địa chỉ: Số 248 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:100%
  + Tỷ lệ biểu quyết Công ty mẹ: 100%
- Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên Film
  + Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51%
  +Tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Các công ty liên kết được hợp nhất

- Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên
  + Địa chỉ: Số 248 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ phần sở hữu: 33%
  + Tỷ lệ phần biểu quyết: 33%
- Công ty CP truyền thông Một Thế Giới
  + Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ phần sở hữu: 33,34%
  + Tỷ lệ phần biểu quyết: 34,73%
- Công ty TNHH Thanh Niên Investment
  + Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ phần sở hữu: 45%
  + Tỷ lệ phần biểu quyết: 56,3 %
- Công ty CP Truyền Thông Giải Trí Ami Thanh Niên
  + Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ phần sở hữu: 25%
  + Tỷ lệ phần biểu quyết: 26,32%
- Công ty CP Dịch Vụ Thanh Niên
  + Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
  + Tỷ lệ phần sở hữu: 45%
  + Tỷ lệ phần biểu quyết: 46,15%

4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên áp dụng Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Do đó, một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính . Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư này và các thông tư khác có liên quan của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

► Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;

► Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;

► Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;

► Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành; và

► Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5). Quyết định 100/2005/QĐ-BTC được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được soạn lập dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính , kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Bao gồm

+ Công ty cổ phần Tập đoàn truyền thông Thanh Niên: Nhật ký chung.

+ Công ty TNHH MTV Giải Trí Thanh Niên: Nhật ký chung.

+ Công ty CP truyền thông Thanh Niên Film: Nhật ký chung.

4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ đã được soát xét và Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết chưa được soát xét.

Các Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng phần giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác với VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi này sẽ được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ có nguồn gốc là USD được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam (VND) để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo của Công ty mẹ. Nguyên tắc chuyển đổi từ USD thành VND, như sau:

- Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được chuyển sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2015 của các nghiệp vụ phát sinh

-Các khoản mục thu nhập và chi phí được ghi trên Kết quả kinh doanh được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng của 12 tháng năm 2015

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính sang VND được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch chênh lệch tỷ giá hối đoái của Báo cáo tài chính được chuyển đổi

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo	Ngày 31/12/2014	21.246 VND/USD
	Ngày 31/12/2015	21.890 VND/USD

3 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4 Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

5 Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được sử dụng thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009), cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01/07/2013, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	*Thời gian (năm)*
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Súc vật, vườn cây lâu năm	3
Tài sản cố định khác	08 - 10

b. TSCĐ vô hình:

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố địnhh vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ảnh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

8 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

a) Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

b) Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

c) Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV)

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hoá trong khoản thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ: Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo vốn điều lệ mà các thành viên đã đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

(i) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(ii) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;

(v) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

(i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(ii) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(iii) Xác định được phần công việc đã hoàn thành;

(iv) Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

(i) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

(ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

(i) Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính

(ii) Chi phí cho vay và đi vay vốn;

(iii) Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

(ii) Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế của Công ty.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt tại quỹ	2.075.746.755	531.951.515
Tiền gửi ngân hàng (*)	11.185.325.221	9.543.496.990
Các khoản tương đương tiền (**)	27.700.000.000	320.320.000.000
Tổng cộng	**40.961.071.976**	**330.395.448.505**

2 Đầu tư tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a) Đầu tư vào công ty con	-	-
b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**8.380.207.551**	**6.196.983.240**
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	-	-
+ Giá gốc khoản đầu tư	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam	-	**20.540.019**

+ Giá gốc khoản đầu tư	2.040.000.000	2.040.000.000
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	(2.040.000.000)	(2.019.459.981)
Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới	**4.654.856.654**	**3.931.072.399**
+ Giá gốc khoản đầu tư	5.000.000.000	4.134.838.854
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	(345.143.346)	(203.766.455)
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	**2.700.000.000**	**1.266.167.084**
+ Giá gốc khoản đầu tư	2.700.000.000	1.266.167.084
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	-	-
Công ty cổ phần truyền thông giải trí Ami Thanh Niên (**)	**465.925.965**	**500.000.000**
+ Giá gốc khoản đầu tư	500.000.000	500.000.000
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	(34.074.035)	-
Công ty cổ phần dịch vụ Thanh Niên (***)	**559.424.932**	**479.203.738**
+ Giá gốc khoản đầu tư	739.836.804	479.203.738
+ Điều chỉnh theo lãi, lỗ của Công ty liên kết	(180.411.872)	-
c) Đầu tư các đơn vị khác	***305.000.000.000***	***5.000.000.000***
Hãng phim Thanh Niên	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*
Công ty cổ phần cao ốc Thanh Niên - Detesco	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*
Đầu tư các đơn vị khác	*300.000.000.000*	
d) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	***(873.862.497)***	***(835.434.127)***

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh liên kết trong kỳ được thuyết minh tại VIII.6

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312705340 đăng ký lần đầu ngày 24/3/2014, vốn điều lệ của Công ty cổ phần truyền thông Thanh Niên Film là 2 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 1,02 tỷ đồng tương đương 51% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2015 công ty đã góp được 377.879.011 đồng chiếm 18,89 % vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312681185 đăng ký lần đầu ngày 10/03/2015, vốn điều lệ của Công ty cổ phần truyền thông giải trí Ami Thanh Niên là 4 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 1 tỷ đồng tương đương 25% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2015 công ty đã góp được 500 triệu đồng chiếm 12,5% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312734630 đăng ký lần đầu 14/4/2014, vốn điều lệ của Công ty cổ phần dịch vụ Thanh Niên là 5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty cam kết góp 2,25 tỷ đồng tương ứng với 45% vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2015 công ty đã góp được 739.836.804 đồng chiếm 14,8% vốn điều lệ.

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	SỐ CUỐI NĂM
Số đầu năm	**(835.434.127)**
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.428.370)
Số cuối kỳ	**(873.862.497)**

3 Phải thu của khách hàng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	1.426.068.637	958.987.549
Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam	442.492.378	262.080.901
Công ty cổ phần dịch vụ Thanh Niên	-	-
Công ty cổ phần truyền thông giải trí Ami Thanh Niên	10.144.751	11.993.705
Hãng phim Thanh Niên	112.462.743	112.462.743
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	1.650.035.864	688.447.444
Công ty TNHH sàn gỗ Thanh Niên	12.000.000	-

Phải thu khách hàng khác		
Công ty CP thương mại dịch vụ sản xuất An Ninh	4.919.629.150	4.919.629.150
Công ty TNHH MTV In Báo nhân dân Tp Hồ Chí Minh	3.930.000.000	2.708.169.190
Công ty TNHH Nhật Minh Quốc Tế	900.000.000	900.000.000
Công ty cổ phần Yến Việt	1.063.980.000	1.063.980.000
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	1.100.000.000	-
Báo Thanh Niên	3.445.742.196	6.885.129.071
Chi nhánh Công ty TNHH MTV XD VT Hùng Vương XN 130	5.250.000.000	7.260.000.000
Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội	1.008.822.107	1.008.822.107
Công ty cổ phần đầu cá Châu Á	514.450.000	2.621.506.500
Trung tâm dịch vụ truyền hình	-	1.782.820.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	1.317.994.744
Công ty cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng	-	13.930.164.567
Khách hàng khác	8.377.761.768	8.351.988.298
Tổng cộng	**34.163.589.594**	**54.784.175.969**

4. Trả trước nhà cung cấp

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	-	448.646.814
Trả trước cho người bán		
Trung tâm thương mại dịch vụ bán đấu giá tài sản	-	10.976.288.820
Công ty TNHH Lâm Thịnh Hào	510.000.000	510.000.000
Đặng Văn Tượng	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Việt Trung	972.900.000	972.900.000
Hoàng Thị Kim Nhung	198.000.000	-
Khách hàng khác	536.803.660	1.032.791.498
Tổng cộng	**2.517.703.660**	**14.240.627.132**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác		
5a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	1.611.000.000	1.357.000.000
Công ty cổ phần Duyên Dáng Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	701.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới	505.000.000	-
Trần Khanh		64.899.600.000
	-	-
Phải thu các tổ chức/ cá nhân khác	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Tiền lãi cho vay	-	-
Ký cược, ký quỹ	40.589.314	4.578.730.477
Tạm ứng	3.844.292.043	3.950.376.221
Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh	37.508.000	-
Công ty cổ phần truyền thông bóng đá Việt Nam	45.000.000	45.000.000

Hãng phim Thanh Niên	1.650.000.000	1.650.000.000
Các khoản phải thu khác	922.460.516	993.683.577
Tổng cộng	**9.756.849.873**	**78.174.390.275**

5b. Phải thu dài hạn khác	**SỐ CUỐI NĂM**		**SỐ ĐẦU NĂM**	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Phải thu các bên liên quan				
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	51.451.500	-	1.720.658.560	-
Phải thu các tổ chức/ cá nhân khác				
Tổng cộng	**51.451.500**	**-**	**1.720.658.560**	**-**

6. Nợ xấu

	SỐ CUỐI NĂM			**SỐ ĐẦU NĂM**		
	Thời gian quá hạn	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**	**Thời gian quá hạn**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**
Các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
Công ty In Hậu Giang	3 năm	(51.750.002)	-	3 năm	(51.750.002)	-
Công ty Đức Phát	3 năm	(115.420.490)	-	3 năm	(115.420.490)	-
Công ty CP Dacom	3 năm	(25.000.000)	-	3 năm	(55.342.100)	-
DNTN Sa Sinh	3 năm	(7.090.000)	-	3 năm	(7.090.000)	-
CN tạp chí người xây dựng tại miền trung - Đô thị & phát triển	3 năm	(20.002.100)	- -	3 năm	(20.002.100)	- -
Công ty CP đầu tư & Sản xuất Việt Hàn	3 năm	(3.250.000)	-	3 năm	(3.250.000)	-
Tổng cộng	**-**	(222.512.592)		**-**	(222.512.592)	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	**Nợ phải thu, cho vay dài hạn**	**Cộng**
Số đầu năm	(222.512.592)	-	(222.512.592)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(222.512.592)	-	**(222.512.592)**

7. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM		**SỐ ĐẦU NĂM**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.618.739.717	-	13.535.515.268	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	4.227.954	-
Chi phí SXKD dở dang	3.962.563.997	-	3.540.167.964	-
Thành phẩm	148.221.068	-	-	-
Hàng hóa	1.947.986.667	-	797.481.116	-
Tổng cộng	**15.677.511.449**	-	**17.877.392.302**	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Các khoản khác	1.693.066.285	288.619.805
Tổng cộng	**1.693.066.285**	**288.619.805**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	824.090.506	1.140.413.212
- Chi phí sửa chữa, cải tạo nền thoát nước chống thấm	2.991.413.593	3.639.810.051
- Chi phí sửa chữa văn phòng 345/134 THĐ	-	5.623.792.827
- Chi phí sửa chữa hội trường, phòng HĐQT	95.855.380	443.187.910
Tổng cộng	**3.911.359.479**	**10.847.204.000**

9. Tài sản ngắn hạn/ dài hạn khác

9a. Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	47.935.246	44.139.573
Tổng cộng	**47.935.246**	**44.139.573**

10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục 01)

11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền máy tính	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số Đầu Năm	**3.803.345.000**	**-**	**-**	**48.500.000**	**3.851.845.000**
- Mua trong năm	35.833.724.720	-	-	-	**35.833.724.720**
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	**39.637.069.720**	**-**	**-**	**48.500.000**	**39.685.569.720**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số Đầu Năm			**-**	**48.500.000**	**48.500.000**
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số Cuối Năm	**-**	**-**	**-**	**48.500.000**	**48.500.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số Đầu Năm	**3.803.345.000**	**-**	**-**	**-**	**3.803.345.000**
Số Cuối Năm	**39.637.069.720**	**-**	**-**	**-**	**39.637.069.720**

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-			-
- Dự án khu nhà ở Long Phước Garden	79.873.221.649	193.181.818			80.066.403.467

- Cao ốc VP 145 Pasteur	159.704.545	-			159.704.545
- Dự án Vĩnh Hy	379.590.909	1.359.535.800			1.739.126.709
Tổng cộng	80.412.517.103	1.552.717.618	-	-	81.965.234.721

13. Phải trả người bán ngắn hạn/ dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	1.636.613.444	1.633.493.444
Công ty cổ phần duyên dáng Việt Nam	13.446.949	13.446.949
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	1.046.842.476	-
Phải trả cho nhà cung cấp khác	-	-
Công ty TNHH MTV đầu tư và phát triển kỳ hà chu lai Quảng Nam	3.943.828.232	5.043.828.232
Công ty TNHH truyền thông chuyên san	-	2.030.682.500
Itochu Singapore PTE.LTD	-	17.260.442.039
Công ty cổ phần xây dựng Techcons	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại Toàn Lực	1.958.670.555	4.485.407.029
Công ty cổ phần phát triển công nghệ Vĩnh Phát	2.264.594.406	2.764.240.906
Công ty cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng	416.074.995	2.813.051.872
Công ty CPTV XD Công trình vật liệu xây dựng	774.195.200	2.093.625.120
Công ty TNHH TMDV Truyền Thông Vinh Khang	322.000.000	322.000.000
Công ty TNHH TM DV KO VI	274.000.000	393.353.400
Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan	296.325.644	112.000.000
Công ty CP DV cửa cao cấp Châu Âu	858.132.858	1.158.132.858
Công ty CP sản xuất và thương mại PP	1.531.712.280	43.485.750
Công ty TNHH thiết bị in SPM	1.525.537.060	1.365.496.816
Công ty TNHH Vu Hoa	1.376.100.000	-
Công ty TNHH truyền hình cáp Sài Gòn Tourist	3.030.700.200	-
Khách hàng khác	1.058.703.036	2.046.705.166
Tổng cộng	**22.327.477.335**	**45.579.392.081**

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/ dài hạn

14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Công ty TNHH QC Phát hành Thanh Niên	-	3.300.980.000
	-	-
Phải trả cho nhà cung cấp khác	-	-
Công ty TNHH nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty cổ phần Chương Dương	577.402.500	-
Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Công nghệ Xanh	578.648.235	-
Công ty TNHH Thương Mại Hồng Minh Phát	-	62.378.800
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Phú Gia Thịnh	-	41.250.000
Công ty TNHH Giải trí Thanh Long Communication	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH TM Đông Phương Á Châu	511.296.600	

CN công ty đầu tư Long Biên	87.000.000	
Công ty Hoa ky	100.000.000	
Khách hàng khác	152.403	46.328.523
Tổng cộng	**2.004.499.738**	**3.600.937.323**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

a) Phải nộp	**SỐ CUỐI NĂM**	**SỐ ĐẦU NĂM**
Thuế GTGT hàng bán nội địa	843.152.762	829.708.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	329.373.795	605.470.642
Thuế thu nhập cá nhân	301.040.342	439.497.606
Tổng cộng	**1.473.566.899**	**1.874.676.314**

b) Phải thu	**SỐ CUỐI NĂM**	**SỐ ĐẦU NĂM**
Thuế GTGT được khấu trừ	3.607	3.607
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.908.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.991.481.280	4.233.145.047
Tổng cộng	**3.991.484.887**	**4.260.057.646**

16. Chi phí phải trả ngắn hạn/ dài hạn

16a. Chi phí phải trả ngắn hạn	**SỐ CUỐI NĂM**	**SỐ ĐẦU NĂM**
Chi phí phải trả khác	127.973.262	13.520.105
Giải bóng đá U21 - Báo Thanh Niên 2014	204.162.110	541.181.818
Giải bóng đá U21 - Báo Thanh Niên 2015	448.338.437	-
Tổng cộng	**780.473.809**	**554.701.923**

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	**SỐ ĐẦU NĂM**
b) Dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	304.935.065	154.545.454
Tổng cộng	**304.935.065**	**154.545.454**

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	**SỐ ĐẦU NĂM**
18a. Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	20.908.800	20.908.800
Công ty cổ phần dịch vụ Thanh Niên	72.483.840	72.483.840
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	853.145	11.624.544
- Bảo hiểm xã hội	67.454.728	2.852.575
- Bảo hiểm y tế	5.332.680	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.188.042
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.055.706.372	4.275.095.672
- Các khoản phải trả, phải nộp khác'	-	-
Quỹ nhân tài nước Việt	5.801.706.635	5.603.897.431

Công ty TNHH Đầu tư & phát triển Sinh Thái	-	54.300.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà	20.000.000.000	-
Quỹ nhân tài nước Việt - học bổng Nguyễn Thái Bình	392.788.391	392.788.391
Các đối tượng khác	1.922.142.746	571.659.570
Tổng cộng	**31.339.377.337**	**65.253.498.865**

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Vay ngắn hạn				
Ngân hàng Quân Đội	-	-	249.249.200	249.249.200
Tổng cộng	**-**	**-**	**249.249.200**	**249.249.200**
b) Các đối tượng khác				
Công ty cổ phần tập đoàn Trung Nguyên	103.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000	103.000.000.000
Tổng cộng	103.000.000.000	**103.000.000.000**	103.000.000.000	**103.000.000.000**

20. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục 02)

b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Giá trị	Tỷ lệ
Báo Thanh Niên	48.000.000.000	11,90%
Nguyễn Công Khế	300.085.060.000	74,39%
Các cổ đông khác	55.331.240.000	13,71%
Tổng cộng	**403.416.300.000**	**100,00%**

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	NĂM 2015	NĂM 2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.065.621.588	(33.787.628.008)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.156.219.087	44.643.444.234
Phân phối lợi nhuận năm trước	5.082.745.513	4.790.194.638
- Trích quỹ đầu tư phát triển	790.652.169	*210.060.901*
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.189.604.344	*960.563.237*
- Trả cổ tức	3.102.489.000	*3.619.570.500*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**6.139.095.162**	**6.065.621.588**

d. Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**-**	**-**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**40.341.630**	**40.341.630**
- Cổ phiếu phổ thông	40.341.630	40.341.630
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**40.341.630**	**40.341.630**
- Cổ phiếu phổ thông	40.341.630	40.341.630
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đanh lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ của công ty

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Quỹ đầu tư phát triển	4.361.224.959	3.382.228.938
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.443.363.948	3.631.707.800
	7.804.588.907	**7.013.936.738**

21. Chênh lệch tỷ giá

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ	(163.709.392)	(68.005.387)
Tổng cộng	**(163.709.392)**	**(68.005.387)**

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a) Ngoại tệ		
Ngoại tệ các loại (USD)	251,89	81.947,77
Tổng cộng	**251,89**	**81.947,77**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	5.943.827.664	114.004.052.033
Doanh thu bán thành phẩm	66.920.383.704	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.540.884.863	55.039.527.585
Doanh thu cho thuê văn phòng	5.494.148.434	-
Doanh thu quảng cáo, tài trợ	14.183.401.836	-
Doanh thu khác	9.286.926.741	-
Tổng cộng	**124.369.573.242**	**169.043.579.618**

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giảm giá hàng bán	258.041.957	-
Tổng cộng	**258.041.957**	**-**

3 Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.618.612.331	143.846.234.691
Tổng cộng	**98.618.612.331**	**143.846.234.691**

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi ngân hàng	842.752.183	524.919.560
Lãi chênh lệch tỉ giá	201.286.984	23.789.250
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Lãi chuyển nhượng vốn	-	46.299.600.000
Doanh thu tài chính khác	337.777.618	-
Tổng cộng	**1.381.816.785**	**46.848.308.810**

5 Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền vay	53.561.426	269.047.048
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	586.328.518	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(171.497.331)	(2.976.103.540)
Chi phí hoạt động tài chính khác	340.529.738	368.754.707
Tổng cộng	**808.922.351**	**(2.338.301.785)**

6 Chi phí bán hàng

	NĂM NAY
Chi phí nhân viên	1.130.215.738
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	36.663.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.313.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.481.521
Chi phí bằng tiền khác	290.676.817
Tổng cộng	**1.757.350.644**

7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY
Chi phí nhân viên	9.457.657.768
Chi phí vật liệu quản lý	1.265.783.425
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.603.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	769.145.237
Thuế, phí và lệ phí	82.022.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.161.150.595
Chi phí bằng tiền khác	3.460.764.358
Tổng cộng	**17.559.128.182**

8 Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu từ bán phế liệu	-	537.337.165
Thu từ thanh lý tài sản	-	644.949.895
Thu nhập khác	6.956.531.529	518.610
Tổng cộng	**6.956.531.529**	**1.182.805.670**

9 Chi phí khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí khác	6.528.776.539	175.459.636
Tổng cộng	**6.528.776.539**	**175.459.636**

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.177.089.552**	**53.085.163.487**
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	**2.180.182.620**	**1.323.148.184**
Chi phí không hợp lệ	239.945.762	1.323.148.184
Phụ cấp HĐQT	276.000.000	
Phần khấu hao TSCĐ xe Lexus (>1,6 tỷ)	189.566.244	
Khoản lỗ chi nhánh Mỹ	612.283.001	

Khoản lỗ Công ty CP truyền thông Thanh Niên Film	859.482.610	
Khoản lỗ Công ty TNHH MTV Giải Trí Thanh Niên	2.905.003	
- Các khoản điều chỉnh giảm	171.497.331	16.162.334.418
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**9.185.774.841**	**54.408.311.671**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**2.020.870.465**	**8.441.719.253**
Các khoản miễn, giảm thuế	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**2.020.870.465**	**8.441.719.253**

11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.156.219.087	44.643.444.234
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	5.156.219.087	44.643.444.234
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.341.630	16.174.963
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**128**	**2.760**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.961.071.976	330.395.448.505
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	46.267.082.035	148.697.339.344
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	312.506.345.054	10.361.549.113
Cộng	**399.734.499.065**	**489.454.336.962**
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	103.000.000.000	103.249.249.200
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	24.331.977.073	49.180.329.404
Các khoản nợ tài chính khác	35.554.086.693	69.326.266.542
Cộng	**162.886.063.766**	**221.755.845.146**
Trạng thái ròng	**236.848.435.299**	**267.698.491.816**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ ngoại trừ giá trị tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và Rủi ro về giá khác.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lại suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Nợ phải trả tài chính	**Dưới 1 năm**	**Trên 1 năm**	**Tổng cộng**
SỐ CUỐI NĂM			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	103.000.000.000	-	103.000.000.000
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	24.331.977.073	-	24.331.977.073
Các khoản nợ tài chính khác	35.249.151.628	304.935.065	35.554.086.693
Cộng	**162.581.128.701**	**304.935.065**	**162.886.063.766**
SỐ ĐẦU NĂM			
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	103.249.249.200	-	103.249.249.200
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	49.180.329.404	-	49.180.329.404
Các khoản nợ tài chính khác	69.171.721.088	154.545.454	69.326.266.542
Cộng	**221.601.299.692**	**154.545.454**	**221.755.845.146**
Tài sản tài chính			
SỐ CUỐI NĂM			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.961.071.976	-	40.961.071.976
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	46.267.082.035	-	46.267.082.035
Các khoản đầu tư tài chính	312.506.345.054	-	312.506.345.054
Cộng	**399.734.499.065**	**-**	**399.734.499.065**

SỐ ĐẦU NĂM

Tiền và các khoản tương đương tiền	330.395.448.505	-	330.395.448.505
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	148.697.339.344	-	148.697.339.344
Các khoản đầu tư tài chính	10.361.549.113	-	10.361.549.113
Cộng	**489.454.336.962**	**-**	**489.454.336.962**

2. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan trong giao dịch phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

Tên đối tượng	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP truyền thông giải trí Ami Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh
Công ty CP dịch vụ Thanh Niên	Công ty liên kết, liên doanh

b. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính:

1. Công ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu	609.224.990	1.633.493.444
Thu tiền	203.066.397	-
Cho mượn tiền	254.000.000	-
Cho thuê văn phòng	-	550.748.775

2. Công ty cổ phần truyền thông Một Thế Giới

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Góp vốn	865.161.146	-
Cho mượn tiền	505.000.000	-

3. Công ty TNHH Thanh Niên Investment

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu	2.782.307.027	-
Thu tiền	2.104.757.305	-
Góp vốn	600.000.000	-
Mua hàng	1.933.860.198	-
Thu tiền mượn	19.853.520	-
Cho mượn tiền	1.976.326.526	-

4. Công ty CP truyền thông giải trí Ami Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu	108.544.812	-
Thu tiền	121.248.242	-

5. Công ty CP dịch vụ Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu	236.939.154	

Góp vốn	260.633.066

c. *Vào thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:*

1. Công ty TNHH Quảng cáo phát hành Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải thu	1.426.068.637	958.987.549
Phải trả	1.636.613.444	1.633.493.444
Phải thu khác	1.611.000.000	1.357.000.000
Phải trả khác	20.908.800	20.908.800

2. Công ty cổ phần truyền thông MTG

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải thu khác	505.000.000	-

3. Công ty TNHH Thanh Niên Investment

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải thu	1.650.035.864	688.447.444
Phải trả	1.046.842.476	-
Ứng trước	-	448.646.814
Phải thu khác	701.000.000	300.000.000

4. Công ty CP truyền thông giải trí Ami Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải thu	10.144.751	11.993.705

5. Công ty CP dịch vụ Thanh Niên

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải trả khác	72.483.840	72.483.840

4 Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
a. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	81,28%	21,68%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	18,72%	78,32%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	28,08%	34,75%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	71,92%	65,25%
b. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0,67	2,26
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,57	2,17

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
c. Tỷ suất sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,78%	31,40%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,15%	26,41%

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	1,24%	8,32%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	0,89%	7,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	1,24%	10,72%

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Hoàng Đại Thanh

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	**8.506.078.805**	**47.121.997.799**	**5.480.609.245**	**1.008.547.016**	**209.115.481**	**62.326.348.346**
- Mua trong năm	7.696.613.891	569.381.500	-	-	-	8.265.995.391
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	5.803.989	-	5.803.989
Số dư cuối năm	**16.202.692.696**	**47.691.379.299**	**5.480.609.245**	**1.014.351.005**	**209.115.481**	**70.598.147.726**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**3.422.639.140**	**24.548.274.521**	**2.479.334.383**	**476.034.127**	**209.115.481**	**31.135.397.652**
- Khấu hao trong năm	785.457.608	2.767.263.083	2.386.906.824	98.944.968	-	6.038.572.483
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**4.208.096.748**	**27.315.537.604**	**4.866.241.207**	**574.979.095**	**209.115.481**	**37.173.970.135**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Số đầu năm	**5.083.439.665**	**22.573.723.278**	**3.001.274.862**	**532.512.889**	**-**	**31.190.950.694**
- Số cuối năm	**11.994.595.948**	**20.375.841.695**	**614.368.038**	**439.371.910**	**-**	**33.424.177.591**

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Hoàng Đại Thanh

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 03: VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính'	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	**103.416.300.000**	**(110.224.634)**	**3.172.168.037**	**3.631.707.800**	**(33.787.628.008)**	**76.322.323.195**
Tăng vốn trong năm trước	300.000.000.000	42.219.247	210.060.901	-	-	300.252.280.148
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	44.643.444.234	44.643.444.234
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	-	(4.790.194.638)	(4.790.194.638)
Số dư cuối năm trước	**403.416.300.000**	**(68.005.387)**	**3.382.228.938**	**3.631.707.800**	**6.065.621.588**	**416.427.852.939**
Số dư đầu năm nay	**403.416.300.000**	**(68.005.387)**	**3.382.228.938**	**3.631.707.800**	**6.065.621.588**	**416.427.852.939**
Tăng vốn năm nay	-	(95.704.005)	978.996.021	(188.343.852)	-	694.948.164
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.156.219.087	5.156.219.087
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.980.256.513)	(1.980.256.513)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(3.102.489.000)	(3.102.489.000)
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**403.416.300.000**	**(163.709.392)**	**4.361.224.959**	**3.443.363.948**	**6.139.095.162**	**417.196.274.677**

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2016

Bùi Thị Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Hoàng Đại Thanh